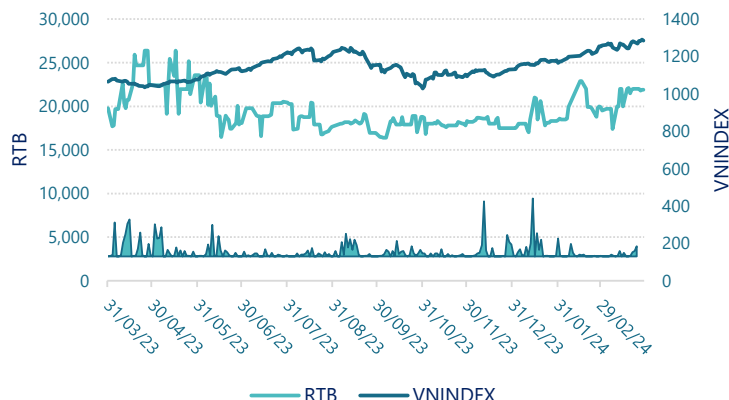


CTCP Cao su Tân Biên (UPCOM: RTB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	21,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,379
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,393
SL cổ phiếu LH	87,945,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,585
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,926
P/E	9.0
EPS	2,427

DT thuần

Q1/24

285

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.0 | 11.6%

YoY: ▲ 113 | 65.5%

LN sau thuế

Q1/24

129

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 83.0 | 180%

YoY: ▲ 60.3 | 87.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

33.1%

+/- YoY: ▼ 5.6%

DT thuần

2023

952

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.0 | 1.7%

LN sau thuế

2023

244

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 30.0 | -11.0%

ROE

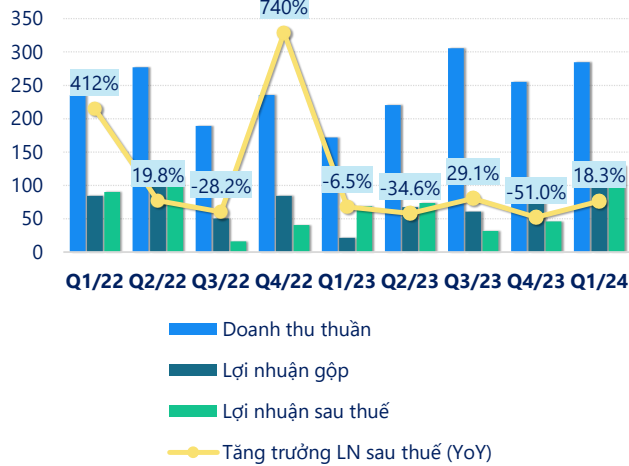
2023

8.3%

+/- YoY: ▼ 1.5%

tỷ VNĐ

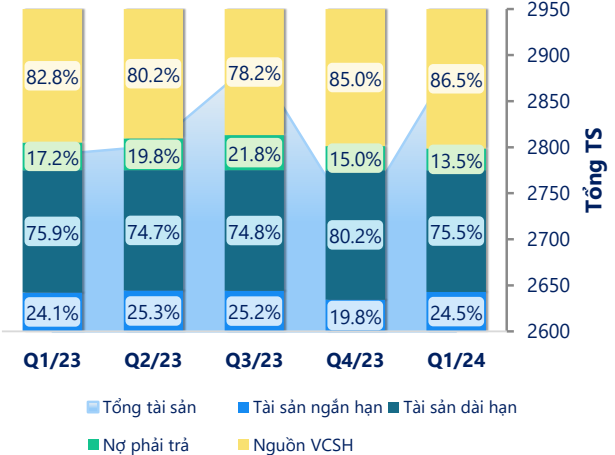
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

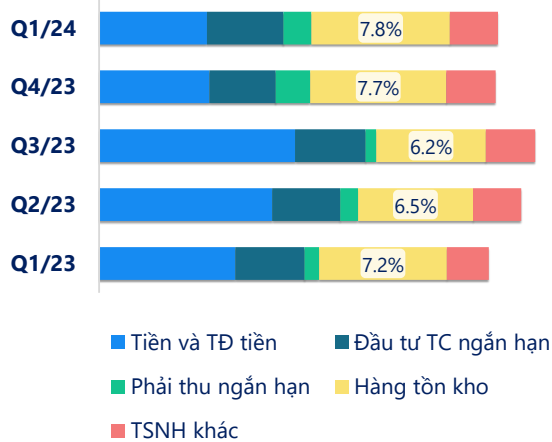
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



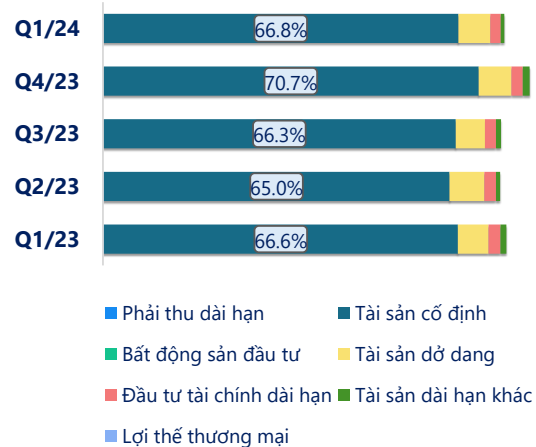
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

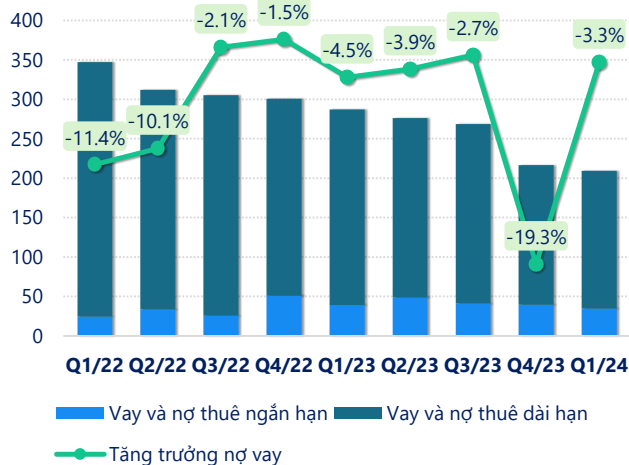
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

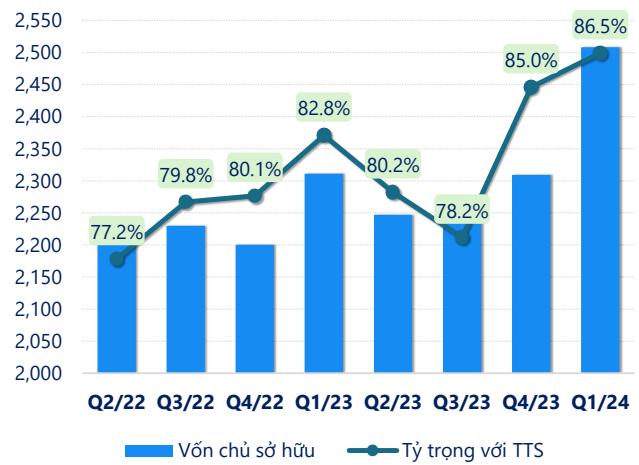
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

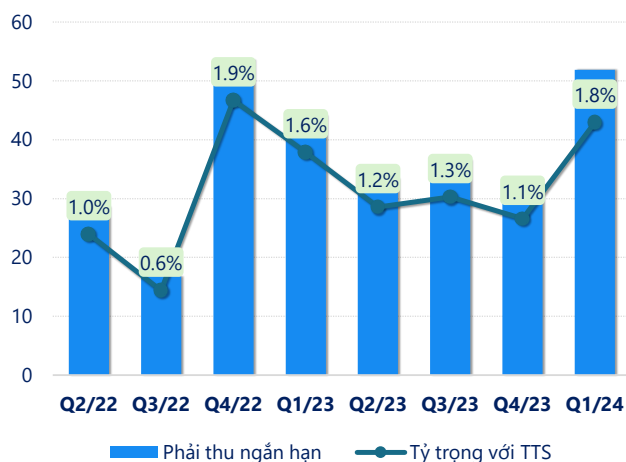
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



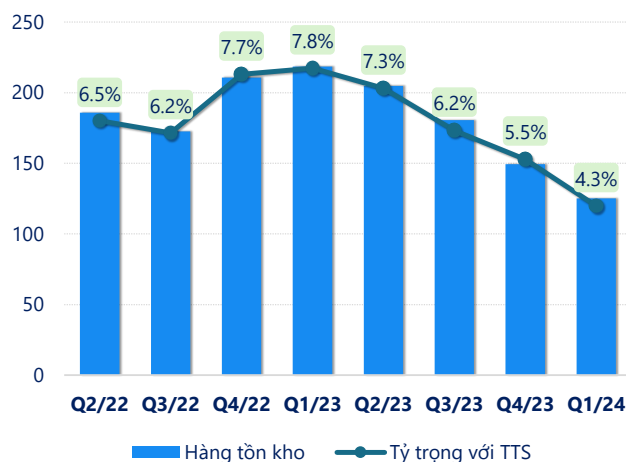
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


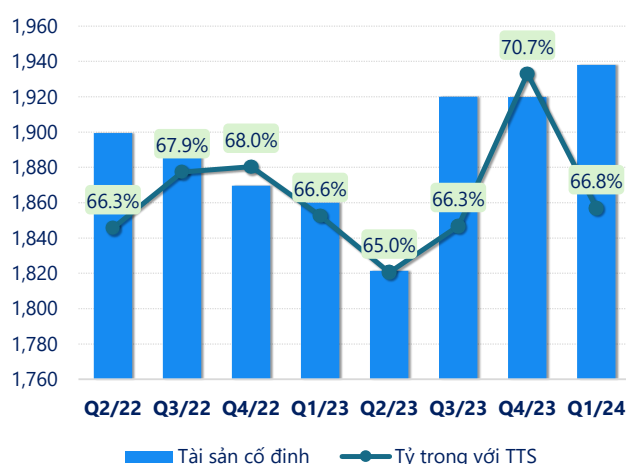
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


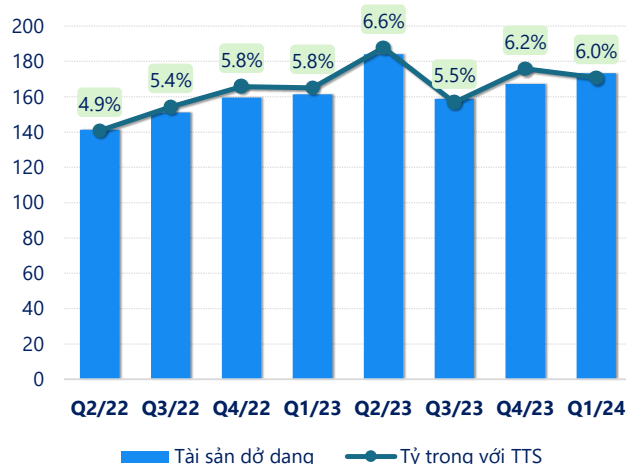
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

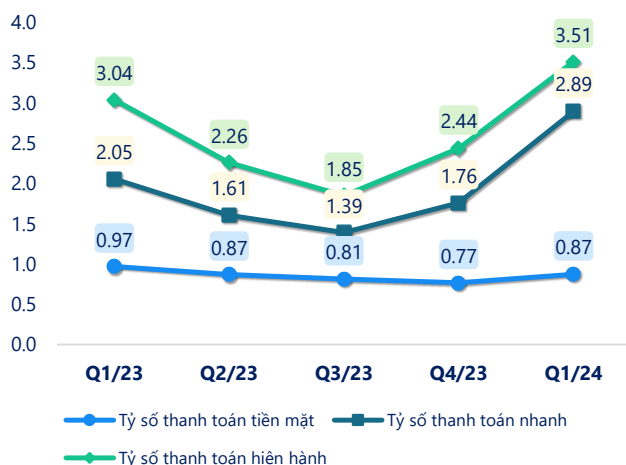
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

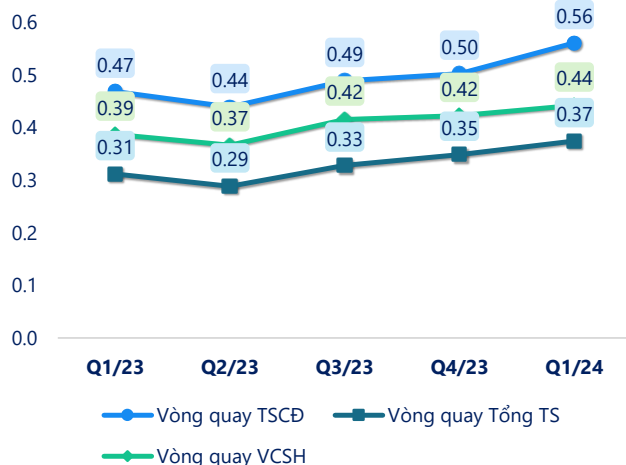
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	2,792	2,801	2,894	2,717	2,899
Tài sản ngắn hạn	674	709	728	537	711
Tiền và tương đương tiền	215	273	320	169	176
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	126	112	107	277
Phải thu ngắn hạn	44.1	33.4	36.5	30.1	51.9
Hàng tồn kho	218	205	180	149	125
Tài sản ngắn hạn khác	75.9	72.2	79.6	81.3	80.9
Tài sản dài hạn	2,118	2,092	2,166	2,180	2,188
Phải thu dài hạn	3.49	3.72	0	0	0.22
Tài sản cố định	1,860	1,821	1,920	1,920	1,938
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	161	184	159	167	173
Đầu tư tài chính dài hạn	61.2	60.8	59.3	58.2	57.5
Tài sản dài hạn khác	32.1	21.7	27.7	35.1	19.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	481	554	632	408	391
Nợ ngắn hạn	222	314	394	220	202
Vay và nợ thuê ngắn hạn	39.2	48.5	41.2	39.8	34.6
Phải trả người bán ngắn hạn	18.2	35.8	43.9	23.7	25.0
Nợ dài hạn	259	240	238	188	188
Vay và nợ thuê dài hạn	248	228	227	177	175
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,311	2,247	2,262	2,309	2,508
Vốn chủ sở hữu	2,311	2,247	2,262	2,309	2,508
Vốn điều lệ	879	879	879	879	879
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)